|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH** **VÀ XÃ HỘI**  | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc**  |
| Số: /2022/TT-BLĐTBXH | *Hà Nội, ngày tháng năm 2022* |

**THÔNG TƯ**

DỰ THẢO

**Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp; xếp lương, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp**

*Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;*

*Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; Nghị định số 17/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;*

*Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;*

*Căn cứ Nghị định số 14/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;*

*Căn cứ Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Giáo dục nghề nghiệp; Nghị định số 24/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 04 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp;*

*Sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Nội vụ tại văn bản số ……/BNV-CCVC ngày …/…/2022 về việc thống nhất Dự thảo Thông tư quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp; xếp lương, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp của Bộ Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;*

*Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp;*

*Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư quy định quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp; xếp lương, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp.*

**Chương I**

**Quy định chung**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Thông tư này quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp; xếp lương, tiêu chuẩn, điều kiện thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức giảng dạy trong các trường cao đẳng, trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp công lập (sau đây gọi là cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập), trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

2. Viên chức là nhà giáo dạy môn văn hóa trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên áp dụng các quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, chuyển xếp lương, thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

3. Thông tư này không áp dụng đối với viên chức là nhà giáo giảng dạy nhóm ngành đào tạo giáo viên thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo, nhà giáo giảng dạy ở các trường cao đẳng, trường trung cấp thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng.

**Điều 2. Chức danh, mã số chức danh nghề nghiệp**

Chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập bao gồm:

1. Giảng viên giáo dục nghề nghiệp cao cấp (hạng I) - Mã số: V.09.02.01;

2. Giảng viên giáo dục nghề nghiệp chính (hạng II) - Mã số: V.09.02.02;

3. Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III) - Mã số: V.09.02.03;

4. Giảng viên giáo dục nghề nghiệp thực hành (hạng III) - Mã số: V.09.02.04;

5. Giáo viên giáo dục nghề nghiệp hạng I - Mã số: V.09.02.05;

6. Giáo viên giáo dục nghề nghiệp hạng II - Mã số: V.09.02.06;

7. Giáo viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết hạng III - Mã số: V.09.02.07;

8. Giáo viên giáo dục nghề nghiệp thực hành hạng III - Mã số: V.09.02.08;

9. Giáo viên giáo dục nghề nghiệp hạng IV - Mã số: V.09.02.09.

**Điều 3. Tiêu chuẩn chung về đạo đức nghề nghiệp của viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập**

1. Tâm huyết với nghề, giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín, l­ương tâm nhà giáo; có tinh thần đoàn kết, th­ương yêu, giúp đỡ đồng nghiệp trong cuộc sống và trong công tác; có lòng nhân ái, bao dung, độ lư­ợng, đối xử hoà nhã với học sinh, sinh viên, học viên (sau đây gọi chung là người học), đồng nghiệp; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của người học, đồng nghiệp và cộng đồng.

2. Tận tụy với công việc; thực hiện đúng điều lệ, quy chế, nội quy của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, của ngành.

3. Công bằng trong giảng dạy và giáo dục, đánh giá đúng thực chất năng lực của người học; thực hành tiết kiệm, chống bệnh thành tích, chống tham nhũng, lãng phí.

4. Các tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp khác của viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp quy định tại khoản 4 Điều 53 Luật giáo dục nghề nghiệp.

**Chương II**

**Tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp**

**Mục 1**

**Giảng viên giáo dục nghề nghiệp**

**Điều 4. Giảng viên giáo dục nghề nghiệp cao cấp (hạng I) - Mã số: V.09.02.01**

1. Nhiệm vụ

a) Giảng dạy lý thuyết hoặc vừa dạy lý thuyết vừa dạy thực hành từ trình độ sơ cấp đến trình độ cao đẳng;

b) Giáo dục phẩm chất đạo đức nghề nghiệp và tác phong công nghiệp cho người học thông qua quá trình giảng dạy;

c) Đánh giá kết quả học tập, kết quả thi tốt nghiệp của người học;

d) Hoàn thiện các biểu mẫu, sổ sách quản lý lớp học được bố trí, phân công giảng dạy theo quy định;

đ) Hướng dẫn người học làm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp (nếu có); hướng dẫn thực tập, thực tập kết hợp với lao động sản xuất; luyện thi cho người học tham gia kỳ thi tay nghề các cấp;

e) Học tập, bồi dưỡng chuẩn hóa, bồi dưỡng nâng cao; thực tập tại doanh nghiệp hoặc cơ quan chuyên môn; dự giờ, trao đổi kinh nghiệm giảng dạy;

g) Bồi dưỡng, phát triển đội ngũ giáo viên, giảng viên theo yêu cầu phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của bộ môn, khoa, cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

h) Chủ trì hoặc tham gia biên soạn hoặc thẩm định các chương trình, giáo trình, sách tham khảo phục vụ giảng dạy;

i) Chủ trì hoặc tham gia thiết kế, cải tiến, chế tạo phương tiện dạy học, trang thiết bị dạy học, xây dựng và quản lý phòng học chuyên môn;

k) Chủ trì tổ chức các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ trong bộ môn, khoa, cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

l) Chủ trì đề tài nghiên cứu khoa học, ứng dụng kỹ thuật, công nghệ hay sáng kiến cải tiến kỹ thuật ở cấp cơ sở hoặc ngành; tổ chức hoạt động tư vấn khoa học, công nghệ, chuyển giao công nghệ; viết các báo cáo khoa học, trao đổi kinh nghiệm về giáo dục nghề nghiệp trong và ngoài nước;

m) Tham gia công tác quản lý, công tác Đảng, đoàn thể và các công tác xã hội khác.

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Giảng viên dạy lý thuyết có bằng tiến sĩ hoặc văn bằng trình độ tương đương, phù hợp với ngành, nghề giảng dạy; giảng viên vừa dạy lý thuyết vừa dạy thực hành có bằng thạc sĩ hoặc văn bằng trình độ tương đương trở lên, phù hợp với ngành, nghề giảng dạy và có chứng chỉ kỹ năng nghề để dạy thực hành trình độ cao đẳng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 32 Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp (sau đây gọi là Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH);

b) Đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ nghiệp vụ sư phạm quy định tại khoản 1 Điều 35 Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH;

c) Có năng lực sử dụng ngoại ngữ và ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện nhiệm vụ của giảng viên giáo dục nghề nghiệp cao cấp (hạng I) theo yêu cầu vị trí việc làm;

d) Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên giáo dục nghề nghiệp.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm vững kiến thức chuyên sâu về ngành, nghề được phân công giảng dạy; có kiến thức về ngành, nghề liên quan; có hiểu biết về thực tiễn nghề nghiệp, những tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới của ngành, nghề được phân công giảng dạy;

b) Nắm vững kiến thức chuyên sâu về nghiệp vụ sư phạm, vận dụng thành thạo các kỹ năng, phương pháp sư phạm vào giảng dạy; có khả năng đánh giá, tổng kết các kinh nghiệm, phương pháp giảng dạy để phổ biến cho các giảng viên, giáo viên áp dụng;

c) Nắm vững phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục, giáo dục nghề nghiệp và công nghệ; biết chỉ đạo, tổ chức nghiên cứu khoa học, ứng dụng những kết quả nghiên cứu, các tiến bộ khoa học kỹ thuật hoặc sáng kiến, cải tiến kỹ thuật vào giảng dạy và thực tiễn nghề nghiệp;

d) Chủ trì biên soạn ít nhất 01 (một) chương trình và 01 (một) giáo trình phù hợp với ngành, nghề được phân công giảng dạy hoặc tham gia biên soạn ít nhất 02 (hai) sách chuyên khảo phù hợp với ngành, nghề được phân công giảng dạy đã được xuất bản;

đ) Chủ trì thực hiện ít nhất 02 (hai) nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở hoặc 01 (một) nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cao hơn đã nghiệm thu với kết quả đạt yêu cầu trở lên hoặc có ít nhất 01 (một) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học trong nước (trong danh mục có tính điểm của Hội đồng Giáo sư Nhà nước) hoặc 02 (hai) bài báo khoa học được đăng trên tạp chí khoa học trong nước có chỉ số ISSN (International Standard Serial Number - Mã số tiêu chuẩn quốc tế cho xuất bản phẩm nhiều kỳ);

e) Đạt giải ba trở lên trong Hội giảng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp toàn quốc hoặc Hội giảng giáo viên dạy nghề toàn quốc hoặc Hội thi giáo viên dạy giỏi trung cấp chuyên nghiệp toàn quốc (sau đây gọi chung là Hội giảng toàn quốc) hoặc chủ trì hoặc tham gia thiết kế, chế tạo ít nhất 01 (một) đồ dùng, thiết bị dạy học đạt giải ba trở lên tại Hội thi thiết bị dạy nghề tự làm toàn quốc hoặc Hội thi thiết bị đào tạo tự làm toàn quốc (sau đây gọi chung là Hội thi thiết bị tự làm toàn quốc) hoặc đạt giải ba trở lên trong các cuộc thi, kỳ thi cấp quốc gia về khoa học, công nghệ kỹ thuật, văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao hoặc bồi dưỡng được ít nhất 02 (hai) giảng viên, giáo viên đạt giải trong Hội giảng toàn quốc hoặc bồi dưỡng được ít nhất 02 (hai) người học đạt giải trong kỳ thi kỹ năng nghề, cuộc thi, hội thi về khoa học, công nghệ kỹ thuật, văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao cấp quốc gia trở lên hoặc tương đương;

Trường hợp viên chức không đạt tiêu chuẩn tại điểm này thì các tiêu chuẩn quy định tại điểm đ khoản này phải đạt gấp 02 (hai) lần;

h) Viên chức thăng hạng lên chức danh giảng viên giáo dục nghề nghiệp cao cấp (hạng I) phải có thời gian công tác giữ chức danh giảng viên giáo dục nghề nghiệp chính (hạng II) - Mã số V.09.02.02 hoặc giảng viên chính - Mã số 15.110 hoặc giáo viên trung học cao cấp - Mã số 15.112 hoặc giảng viên chính (hạng II) - Mã số V.07.01.02 hoặc tương đương từ đủ 06 (sáu) năm trở lên, trong đó thời gian gần nhất giữ chức danh giảng viên giáo dục nghề nghiệp chính (hạng II) - Mã số V.09.02.02 tối thiểu là 01 (một) năm (đủ 12 tháng).

**Điều 5. Giảng viên giáo dục nghề nghiệp chính (hạng II) - Mã số: V.09.02.02**

1. Nhiệm vụ

a) Giảng dạy lý thuyết hoặc vừa dạy lý thuyết vừa dạy thực hành từ trình độ sơ cấp đến trình độ cao đẳng;

b) Giáo dục phẩm chất đạo đức nghề nghiệp và tác phong công nghiệp cho người học thông qua quá trình giảng dạy;

c) Đánh giá kết quả học tập, kết quả thi tốt nghiệp của người học;

d) Hoàn thiện các biểu mẫu, sổ sách quản lý lớp học được bố trí, phân công giảng dạy theo quy định;

đ) Hướng dẫn người học làm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp (nếu có); hướng dẫn thực tập, thực tập kết hợp với lao động sản xuất; luyện thi cho người học tham gia kỳ thi tay nghề các cấp;

e) Học tập, bồi dưỡng chuẩn hóa, bồi dưỡng nâng cao; thực tập tại doanh nghiệp hoặc cơ quan chuyên môn; dự giờ, trao đổi kinh nghiệm giảng dạy;

g) Bồi dưỡng, phát triển đội ngũ giáo viên, giảng viên theo yêu cầu phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của bộ môn, khoa, cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

h) Chủ trì hoặc tham gia biên soạn hoặc thẩm định các chương trình, giáo trình, tài liệu tham khảo phục vụ giảng dạy;

i) Chủ trì hoặc tham gia thiết kế, cải tiến, chế tạo phương tiện dạy học, trang thiết bị dạy học, xây dựng và quản lý phòng học chuyên môn;

k) Chủ trì hoặc tham gia tổ chức các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ trong bộ môn, khoa, cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

l) Chủ trì hoặc tham gia đề tài nghiên cứu khoa học, ứng dụng kỹ thuật, công nghệ hay sáng kiến cải tiến kỹ thuật ở cấp cơ sở hoặc ngành; tổ chức hoạt động tư vấn khoa học, công nghệ, chuyển giao công nghệ; viết các báo cáo khoa học, trao đổi kinh nghiệm về giáo dục nghề nghiệp trong và ngoài nước;

m) Tham gia công tác quản lý, công tác Đảng, đoàn thể và các công tác xã hội khác.

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Giảng viên dạy lý thuyết có bằng thạc sĩ hoặc văn bằng trình độ tương đương trở lên, phù hợp với ngành, nghề giảng dạy; giảng viên vừa dạy lý thuyết vừa dạy thực hành có bằng cử nhân hoặc văn bằng trình độ tương đương trở lên, phù hợp với ngành, nghề giảng dạy và có chứng chỉ kỹ năng nghề để dạy thực hành trình độ cao đẳng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 32 Thông tư số 08/2017/TT- BLĐTBXH;

b) Đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ nghiệp vụ sư phạm quy định tại khoản 1 Điều 35 Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH;

c) Có năng lực sử dụng ngoại ngữ và ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện nhiệm vụ của giảng viên giáo dục nghề nghiệp chính (hạng II) theo yêu cầu vị trí việc làm;

d) Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên giáo dục nghề nghiệp.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Có kiến thức chuyên sâu về ngành, nghề được phân công giảng dạy; có kiến thức về ngành, nghề liên quan; có hiểu biết về thực tiễn nghề nghiệp, những tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới của ngành, nghề được phân công giảng dạy;

b) Nắm vững kiến thức về nghiệp vụ sư phạm, vận dụng thành thạo các kỹ năng, phương pháp sư phạm vào giảng dạy;

c) Nắm vững phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục, giáo dục nghề nghiệp và công nghệ; biết tổ chức nghiên cứu khoa học, ứng dụng những kết quả nghiên cứu, các tiến bộ khoa học kỹ thuật hoặc sáng kiến, cải tiến kỹ thuật vào giảng dạy và thực tiễn nghề nghiệp;

d) Chủ trì hoặc tham gia biên soạn ít nhất 02 (hai) chương trình hoặc 01 (một) giáo trình hoặc 01 (một) sách chuyên khảo phù hợp với ngành, nghề được phân công giảng dạy đã xuất bản;

đ) Chủ trì thực hiện ít nhất 01 (một) nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở trở lên đã được nghiệm thu với kết quả đạt yêu cầu trở lên;

e) Đạt giải ba trở lên trong Hội giảng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp cấp tỉnh, cấp bộ hoặc Hội giảng giáo viên dạy nghề cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc Hội thi giáo viên dạy giỏi trung cấp chuyên nghiệp cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Hội giảng cấp tỉnh, cấp bộ) hoặc chủ trì hoặc tham gia thiết kế, chế tạo ít nhất 01 (một) đồ dùng, thiết bị dạy học đạt giải ba trở lên trong Hội thi thiết bị dạy nghề tự làm, Hội thi thiết bị đào tạo tự làm cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Hội thi thiết bị tự làm cấp tỉnh) hoặc đạt giải ba trở lên trong các cuộc thi, kỳ thi cấp Bộ, cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương về khoa học, công nghệ kỹ thuật, văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao hoặc bồi dưỡng được ít nhất 02 (hai) giảng viên, giáo viên đạt giải trong Hội giảng cấp tỉnh, cấp Bộ hoặc bồi dưỡng được ít nhất 02 (hai) người học đạt giải trong kỳ thi kỹ năng nghề, cuộc thi, hội thi về khoa học, công nghệ kỹ thuật, văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao cấp Bộ, cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc tương đương trở lên;

Trường hợp viên chức không đạt tiêu chuẩn tại điểm này thì các tiêu chuẩn quy định tại điểm đ khoản này phải đạt gấp 02 (hai) lần;

g) Viên chức thăng hạng lên chức danh giảng viên giáo dục nghề nghiệp chính (hạng II) phải có thời gian công tác giữ chức danh giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III) - Mã số V.09.02.03 hoặc giảng viên giáo dục nghề nghiệp thực hành (hạng III) - Mã số V.09.02.04 hoặc giảng viên - Mã số 15.111 hoặc giáo viên trung học - Mã số 15.113 hoặc giảng viên (hạng III) - Mã số V.07.01.03 hoặc giáo viên trung học (chưa đạt chuẩn) - Mã số 15c.207 hoặc tương đương từ đủ 09 (chín) năm trở lên, trong đó thời gian gần nhất giữ chức danh giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III) - Mã số V.09.02.03 hoặc giảng viên giáo dục nghề nghiệp thực hành (hạng III) tối thiểu là 01 (một) năm (đủ 12 tháng).

**Điều 6. Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III) - Mã số: V.09.02.03**

1. Nhiệm vụ

a) Giảng dạy lý thuyết trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp; giảng dạy trình độ sơ cấp;

b) Giáo dục phẩm chất đạo đức nghề nghiệp và tác phong công nghiệp cho người học thông qua quá trình giảng dạy;

c) Đánh giá kết quả học tập, kết quả thi tốt nghiệp của người học;

d) Hoàn thiện các biểu mẫu, sổ sách quản lý lớp học được bố trí, phân công giảng dạy theo quy định;

đ) Hướng dẫn người học làm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp (nếu có); luyện thi cho người học tham gia kỳ thi tay nghề các cấp;

e) Học tập, bồi dưỡng chuẩn hóa, bồi dưỡng nâng cao; thực tập tại doanh nghiệp hoặc cơ quan chuyên môn; dự giờ, trao đổi kinh nghiệm giảng dạy;

g) Tham gia bồi dưỡng cho giáo viên, giảng viên theo yêu cầu phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của bộ môn, khoa, cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

h) Tham gia biên soạn giáo trình, tài liệu giảng dạy; góp ý kiến xây dựng chương trình, nội dung mô-đun, môn học được phân công giảng dạy;

i) Tham gia thiết kế, xây dựng phòng học chuyên môn; thiết kế, cải tiến, tự làm đồ dùng, trang thiết bị giáo dục nghề nghiệp;

k) Nghiên cứu khoa học; hướng dẫn người học tham gia nghiên cứu khoa học;

l) Tham gia sinh hoạt chuyên môn, nghiệp vụ;

m) Tham gia công tác quản lý, công tác Đảng, đoàn thể và các công tác xã hội khác.

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Có bằng cử nhân hoặc văn bằng trình độ tương đương trở lên, phù hợp với ngành, nghề giảng dạy;

b) Đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ nghiệp vụ sư phạm quy định tại khoản 1 Điều 35 Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH;

c) Có năng lực sử dụng ngoại ngữ và ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện nhiệm vụ của giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III) theo yêu cầu vị trí việc làm;

d) Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên giáo dục nghề nghiệp.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm vững kiến thức của ngành, nghề được phân công giảng dạy; có kiến thức về ngành, nghề liên quan; có hiểu biết về thực tiễn sản xuất, dịch vụ của ngành, nghề được phân công giảng dạy;

b) Nắm vững mục tiêu đào tạo, nội dung chương trình đào tạo, kỹ thuật an toàn, vệ sinh lao động của ngành, nghề được phân công giảng dạy và kế hoạch đào tạo của cơ sở giáo dục nghề nghiệp để tổ chức đào tạo;

c) Sử dụng có hiệu quả và an toàn các phương tiện dạy học, trang thiết bị dạy học; biết ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao hiệu quả giảng dạy, chất lượng đào tạo; biết chế tạo, cải tiến phương tiện dạy học, trang thiết bị dạy học;

d) Có hiểu biết cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục, giáo dục nghề nghiệp và công nghệ; có khả năng tham gia nghiên cứu khoa học, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật hoặc sáng kiến, cải tiến kỹ thuật vào giảng dạy.

**Điều 7. Giảng viên giáo dục nghề nghiệp thực hành (hạng III) - Mã số: V.09.02.04**

1. Nhiệm vụ

a) Giảng dạy thực hành trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp; giảng dạy trình độ sơ cấp;

b) Giáo dục phẩm chất đạo đức nghề nghiệp và tác phong công nghiệp cho người học thông qua quá trình giảng dạy;

c) Đánh giá kết quả học tập, kết quả thi tốt nghiệp của người học;

d) Hoàn thiện các biểu mẫu, sổ sách quản lý lớp học được bố trí, phân công giảng dạy theo quy định;

đ) Hướng dẫn người học làm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp (nếu có); luyện thi cho người học tham gia kỳ thi tay nghề các cấp;

e) Học tập, bồi dưỡng chuẩn hóa, bồi dưỡng nâng cao; thực tập tại doanh nghiệp hoặc cơ quan chuyên môn; dự giờ, trao đổi kinh nghiệm giảng dạy;

g) Tham gia bồi dưỡng cho giáo viên, giảng viên theo yêu cầu phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của bộ môn, khoa, cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

h) Tham gia biên soạn giáo trình, tài liệu giảng dạy; góp ý kiến xây dựng chương trình, nội dung mô-đun, môn học được phân công giảng dạy;

i) Tham gia thiết kế, xây dựng phòng học chuyên môn; thiết kế, cải tiến, tự làm đồ dùng, trang thiết bị giáo dục nghề nghiệp;

k) Ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật hoặc sáng kiến, cải tiến kỹ thuật vào giảng dạy và thực tiễn nghề nghiệp; hướng dẫn thực tập, thực tập kết hợp với lao động sản xuất;

l) Tham gia sinh hoạt chuyên môn, nghiệp vụ;

m) Tham gia công tác quản lý, công tác Đảng, đoàn thể và các công tác xã hội khác.

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Có bằng tốt nghiệp cao đẳng nghề phù hợp với ngành, nghề giảng dạy hoặc có chứng chỉ kỹ năng nghề phù hợp để dạy thực hành trình độ cao đẳng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 32 Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH;

b) Đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ nghiệp vụ sư phạm quy định tại khoản 1 Điều 35 Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH;

c) Có năng lực sử dụng ngoại ngữ và ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện nhiệm vụ của giảng viên giáo dục nghề nghiệp thực hành (hạng III) theo yêu cầu vị trí việc làm;

d) Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên giáo dục nghề nghiệp.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm vững kiến thức của ngành, nghề được phân công giảng dạy; có kiến thức về ngành, nghề liên quan; có hiểu biết về thực tiễn sản xuất, dịch vụ của ngành, nghề được phân công giảng dạy;

b) Nắm vững mục tiêu đào tạo, nội dung chương trình đào tạo, kỹ thuật an toàn, vệ sinh lao động của ngành, nghề được phân công giảng dạy và kế hoạch đào tạo của cơ sở giáo dục nghề nghiệp để tổ chức đào tạo;

c) Sử dụng có hiệu quả và an toàn các phương tiện dạy học, trang thiết bị dạy học; biết ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao hiệu quả giảng dạy, chất lượng đào tạo; biết chế tạo, cải tiến phương tiện dạy học, trang thiết bị dạy học;

d) Thực hiện thành thạo các kỹ năng của ngành, nghề được phân công giảng dạy; biết tổ chức lao động sản xuất, dịch vụ ngành, nghề được phân công giảng dạy.

**Mục 2**

**Giáo viên giáo dục nghề nghiệp**

**Điều 8. Giáo viên giáo dục nghề nghiệp hạng I - Mã số: V.09.02.05**

1. Nhiệm vụ

a) Giảng dạy lý thuyết hoặc vừa dạy lý thuyết vừa dạy thực hành trình độ trung cấp; giảng dạy trình độ sơ cấp;

b) Giáo dục phẩm chất đạo đức nghề nghiệp và tác phong công nghiệp cho người học thông qua quá trình giảng dạy;

c) Đánh giá kết quả học tập, kết quả thi tốt nghiệp của người học;

d) Hoàn thiện các biểu mẫu, sổ sách quản lý lớp học được bố trí, phân công giảng dạy theo quy định;

đ) Hướng dẫn thực tập, thực tập kết hợp với lao động sản xuất; luyện thi cho người học tham gia kỳ thi tay nghề các cấp;

e) Học tập, bồi dưỡng chuẩn hóa, bồi dưỡng nâng cao; thực tập tại doanh nghiệp hoặc cơ quan chuyên môn; dự giờ, trao đổi kinh nghiệm giảng dạy;

g) Bồi dưỡng, phát triển đội ngũ giáo viên theo yêu cầu phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của bộ môn, khoa, cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

h) Chủ trì hoặc tham gia biên soạn hoặc thẩm định các chương trình, giáo trình, tài liệu tham khảo phục vụ giảng dạy;

i) Chủ trì hoặc tham gia thiết kế, cải tiến, chế tạo phương tiện dạy học, trang thiết bị dạy học, xây dựng và quản lý phòng học chuyên môn;

k) Chủ trì tổ chức các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ trong bộ môn, khoa, cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

l) Chủ trì đề tài nghiên cứu khoa học, ứng dụng kỹ thuật, công nghệ hay sáng kiến cải tiến kỹ thuật ở cấp cơ sở hoặc ngành; tổ chức hoạt động tư vấn khoa học, công nghệ, chuyển giao công nghệ; viết các báo cáo khoa học, trao đổi kinh nghiệm về giáo dục nghề nghiệp trong và ngoài nước;

m) Tham gia công tác quản lý, công tác Đảng, đoàn thể và các công tác xã hội khác.

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Giáo viên dạy lý thuyết có bằng tiến sĩ hoặc văn bằng trình độ tương đương, phù hợp với ngành, nghề giảng dạy; giáo viên vừa dạy lý thuyết vừa dạy thực hành có bằng tốt nghiệp thạc sĩ hoặc văn bằng trình độ tương đương trở lên, phù hợp với ngành, nghề giảng dạy và có chứng chỉ kỹ năng nghề để dạy thực hành trình độ trung cấp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 17 Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH;

b) Đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ nghiệp vụ sư phạm quy định tại khoản 1 Điều 20 Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH;

c) Có năng lực sử dụng ngoại ngữ và ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện nhiệm vụ của giáo viên giáo dục nghề nghiệp hạng I theo yêu cầu vị trí việc làm;

d) Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên giáo dục nghề nghiệp.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Có kiến thức chuyên sâu về ngành, nghề được phân công giảng dạy; có kiến thức về ngành, nghề liên quan; có hiểu biết về thực tiễn nghề nghiệp, những tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới của ngành, nghề được phân công giảng dạy;

b) Nắm vững kiến thức về nghiệp vụ sư phạm, vận dụng thành thạo các kỹ năng, phương pháp sư phạm vào giảng dạy;

c) Nắm vững phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục, giáo dục nghề nghiệp và công nghệ; biết tổ chức nghiên cứu khoa học, ứng dụng những kết quả nghiên cứu, các tiến bộ khoa học kỹ thuật hoặc sáng kiến, cải tiến kỹ thuật vào giảng dạy và thực tiễn nghề nghiệp;

d) Chủ trì biên soạn ít nhất 01 (một) chương trình và 01 (một) giáo trình phù hợp với ngành, nghề được phân công giảng dạy hoặc tham gia biên soạn ít nhất 02 (hai) sách chuyên khảo phù hợp với ngành, nghề được phân công giảng dạy đã được xuất bản;

đ) Chủ trì thực hiện ít nhất 02 (hai) nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở hoặc 01 (một) nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cao hơn đã được nghiệm thu với kết quả đạt yêu cầu trở lên hoặc có ít nhất 01 (một) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học trong nước (trong danh mục có tính điểm của Hội đồng Giáo sư Nhà nước) hoặc 02 (hai) bài báo khoa học được đăng trên tạp chí khoa học trong nước có chỉ số ISSN;

e) Đạt giải trong Hội giảng toàn quốc hoặc chủ trì hoặc tham gia thiết kế, chế tạo ít nhất 01 (một) đồ dùng, thiết bị dạy học đạt giải trong Hội thi thiết bị tự làm toàn quốc hoặc đạt giải trong các cuộc thi, kỳ thi cấp quốc gia về khoa học, công nghệ kỹ thuật, văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao hoặc bồi dưỡng được ít nhất 01 (một) giáo viên, giảng viên đạt giải trong Hội giảng toàn quốc hoặc bồi dưỡng được ít nhất 01 (một) người học đạt giải trong kỳ thi kỹ năng nghề, cuộc thi, hội thi về khoa học, công nghệ kỹ thuật, văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao cấp quốc gia trở lên hoặc tương đương;

Trường hợp viên chức không đạt tiêu chuẩn tại điểm này thì các tiêu chuẩn quy định tại điểm đ khoản này phải đạt gấp 02 (hai) lần;

g) Viên chức thăng hạng lên chức danh giáo viên giáo dục nghề nghiệp hạng I phải có thời gian công tác giữ chức danh giáo viên giáo dục nghề nghiệp hạng II - Mã số V.09.02.06 hoặc giáo viên trung học cao cấp - Mã số 15.112 hoặc tương đương từ đủ 06 (sáu) năm trở lên, trong đó thời gian gần nhất giữ chức danh giáo viên giáo dục nghề nghiệp hạng II - Mã số V.09.02.06 tối thiểu là 01 (một) năm (đủ 12 tháng).

**Điều 9. Giáo viên giáo dục nghề nghiệp hạng II - Mã số: V.09.02.06**

1. Nhiệm vụ

a) Giảng dạy lý thuyết hoặc vừa dạy lý thuyết vừa dạy thực hành trình độ trung cấp; giảng dạy trình độ sơ cấp;

b) Giáo dục phẩm chất đạo đức nghề nghiệp và tác phong công nghiệp cho người học thông qua quá trình giảng dạy;

c) Đánh giá kết quả học tập, kết quả thi tốt nghiệp của người học;

d) Hoàn thiện các biểu mẫu, sổ sách quản lý lớp học được bố trí, phân công giảng dạy theo quy định;

đ) Hướng dẫn thực tập, thực tập kết hợp với lao động sản xuất; luyện thi cho người học tham gia kỳ thi tay nghề các cấp;

e) Học tập, bồi dưỡng chuẩn hóa, bồi dưỡng nâng cao; thực tập tại doanh nghiệp hoặc cơ quan chuyên môn; dự giờ, trao đổi kinh nghiệm giảng dạy;

g) Bồi dưỡng, phát triển đội ngũ giáo viên theo yêu cầu phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của bộ môn, khoa, cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

h) Chủ trì hoặc tham gia biên soạn hoặc thẩm định các chương trình, giáo trình, tài liệu tham khảo phục vụ giảng dạy;

i) Chủ trì hoặc tham gia thiết kế, cải tiến, chế tạo phương tiện dạy học, trang thiết bị dạy học, xây dựng và quản lý phòng học chuyên môn;

k) Chủ trì hoặc tham gia tổ chức các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ trong bộ môn, khoa, cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

l) Chủ trì hoặc tham gia đề tài nghiên cứu khoa học, ứng dụng kỹ thuật, công nghệ hay sáng kiến cải tiến kỹ thuật ở cấp cơ sở hoặc ngành; tổ chức hoạt động tư vấn khoa học, công nghệ, chuyển giao công nghệ; viết các báo cáo khoa học, trao đổi kinh nghiệm về giáo dục nghề nghiệp trong và ngoài nước;

m) Tham gia công tác quản lý, công tác Đảng, đoàn thể và các công tác xã hội khác.

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Giáo viên dạy lý thuyết có bằng thạc sĩ hoặc văn bằng trình độ tương đương trở lên, phù hợp với ngành, nghề giảng dạy; giáo viên vừa dạy lý thuyết vừa dạy thực hành có bằng cử nhân hoặc văn bằng trình độ tương đương trở lên, phù hợp với ngành, nghề giảng dạy và có chứng chỉ kỹ năng nghề để dạy thực hành trình độ trung cấp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 17 Thông tư số 08/2017/TT- BLĐTBXH;

b) Đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ nghiệp vụ sư phạm quy định tại khoản 1 Điều 20 Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH;

c) Có năng lực sử dụng ngoại ngữ và ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện nhiệm vụ của giáo viên giáo dục nghề nghiệp hạng II theo yêu cầu vị trí việc làm;

d) Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên giáo dục nghề nghiệp.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Có kiến thức chuyên sâu về ngành, nghề được phân công giảng dạy; có kiến thức về ngành, nghề liên quan; có hiểu biết về thực tiễn nghề nghiệp, những tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới của ngành, nghề được phân công giảng dạy;

b) Nắm vững kiến thức về nghiệp vụ sư phạm, vận dụng thành thạo các kỹ năng, phương pháp sư phạm vào giảng dạy;

c) Nắm vững phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục, giáo dục nghề nghiệp và công nghệ; biết tổ chức nghiên cứu khoa học, ứng dụng những kết quả nghiên cứu, các tiến bộ khoa học kỹ thuật hoặc sáng kiến, cải tiến kỹ thuật vào giảng dạy và thực tiễn nghề nghiệp;

d) Chủ trì hoặc tham gia biên soạn ít nhất 02 (hai) chương trình hoặc 01 (một) giáo trình hoặc 01 (một) sách chuyên khảo phù hợp với ngành, nghề được phân công giảng dạy đã xuất bản;

đ) Chủ trì hoặc tham gia thực hiện ít nhất 01 (một) nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở đã được nghiệm thu với kết quả đạt yêu cầu trở lên;

e) Đạt giải trong Hội giảng cấp tỉnh, cấp bộ hoặc chủ trì hoặc tham gia thiết kế, chế tạo ít nhất 01 (một) đồ dùng, thiết bị dạy học đạt giải trong Hội thi thiết bị tự làm cấp tỉnh hoặc đạt giải trong các cuộc thi, kỳ thi cấp bộ, cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương về khoa học, công nghệ kỹ thuật, văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao hoặc bồi dưỡng được ít nhất 01 (một) giáo viên, giảng viên đạt giải trong Hội giảng cấp tỉnh, cấp bộ hoặc bồi dưỡng được ít nhất 01 (một) người học đạt giải trong kỳ thi kỹ năng nghề, cuộc thi, hội thi về khoa học, công nghệ kỹ thuật, văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao cấp bộ, cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc tương đương trở lên;

Trường hợp viên chức không đạt tiêu chuẩn tại điểm này thì các tiêu chuẩn quy định tại điểm đ khoản này phải đạt gấp 02 (hai) lần;

g) Viên chức thăng hạng lên chức danh giáo viên giáo dục nghề nghiệp hạng II phải có thời gian công tác giữ chức danh giáo viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết hạng III - Mã số V.09.02.07 hoặc giáo viên giáo dục nghề nghiệp thực hành hạng III - Mã số V.09.02.08 hoặc hoặc giáo viên trung học - Mã số 15.113 hoặc giáo viên trung học (chưa đạt chuẩn) - Mã số 15c.207 hoặc tương đương từ đủ 09 (chín) năm trở lên, trong đó thời gian gần nhất giữ chức danh giáo viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết hạng III - Mã số V.09.02.07 hoặc giáo viên giáo dục nghề nghiệp thực hành hạng III - Mã số V.09.02.08 tối thiểu là 01 (một) năm (đủ 12 tháng).

**Điều 10. Giáo viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết hạng III - Mã số: V.09.02.07**

1. Nhiệm vụ

a) Giảng dạy lý thuyết trình độ trung cấp; giảng dạy trình độ sơ cấp;

b) Giáo dục phẩm chất đạo đức nghề nghiệp và tác phong công nghiệp cho người học thông qua quá trình giảng dạy;

c) Đánh giá kết quả học tập, kết quả thi tốt nghiệp của người học;

d) Hoàn thiện các biểu mẫu, sổ sách quản lý lớp học được bố trí, phân công giảng dạy theo quy định;

đ) Hướng dẫn thực tập; luyện thi cho người học tham gia kỳ thi tay nghề các cấp;

e) Học tập, bồi dưỡng chuẩn hóa, bồi dưỡng nâng cao; thực tập tại doanh nghiệp hoặc cơ quan chuyên môn; dự giờ, trao đổi kinh nghiệm giảng dạy;

g) Tham gia bồi dưỡng cho giáo viên theo yêu cầu phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của bộ môn, khoa, cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

h) Tham gia biên soạn giáo trình, tài liệu giảng dạy; góp ý kiến xây dựng chương trình, nội dung mô-đun, môn học được phân công giảng dạy;

i) Tham gia thiết kế, xây dựng phòng học chuyên môn; thiết kế, cải tiến, tự làm đồ dùng, trang thiết bị giáo dục nghề nghiệp;

k) Nghiên cứu khoa học; hướng dẫn người học tham gia nghiên cứu khoa học;

l) Tham gia sinh hoạt chuyên môn, nghiệp vụ;

m) Tham gia công tác quản lý, công tác Đảng, đoàn thể và các công tác xã hội khác.

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Có bằng cử nhân hoặc văn bằng trình độ tương đương trở lên, phù hợp với ngành, nghề giảng dạy;

b) Đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ nghiệp vụ sư phạm quy định tại khoản 1 Điều 20 Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH;

c) Có năng lực sử dụng ngoại ngữ và ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện nhiệm vụ của giáo viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết hạng III theo yêu cầu vị trí việc làm;

d) Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên giáo dục nghề nghiệp.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm vững kiến thức của ngành, nghề được phân công giảng dạy; có kiến thức về ngành, nghề liên quan; có hiểu biết về thực tiễn sản xuất, dịch vụ của ngành, nghề;

b) Nắm vững mục tiêu đào tạo, nội dung chương trình đào tạo, kỹ thuật an toàn, vệ sinh lao động của ngành, nghề được phân công giảng dạy và kế hoạch đào tạo của cơ sở giáo dục nghề nghiệp để tổ chức đào tạo;

c) Sử dụng có hiệu quả và an toàn các phương tiện dạy học, trang thiết bị dạy học; biết ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao hiệu quả giảng dạy, chất lượng đào tạo;

d) Có hiểu biết cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục, giáo dục nghề nghiệp và công nghệ; có khả năng tham gia nghiên cứu khoa học, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật hoặc sáng kiến, cải tiến kỹ thuật vào giảng dạy;

đ) Viên chức thăng hạng lên chức danh giáo viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết hạng III phải có thời gian công tác giữ chức danh giáo viên giáo dục nghề nghiệp hạng IV - Mã số V.09.02.09 hoặc giáo viên trung học (chưa đạt chuẩn) - Mã số 15c.207 hoặc tương đương từ đủ 03 (ba) năm trở lên, trong đó thời gian gần nhất giữ chức danh giáo viên giáo dục nghề nghiệp hạng IV - Mã số V.09.02.09 tối thiểu là 01 (một) năm (đủ 12 tháng).

**Điều 11. Giáo viên giáo dục nghề nghiệp thực hành hạng III - Mã số: V.09.02.08**

1. Nhiệm vụ

a) Giảng dạy thực hành trình độ trung cấp; giảng dạy trình độ sơ cấp;

b) Giáo dục phẩm chất đạo đức nghề nghiệp và tác phong công nghiệp cho người học thông qua quá trình giảng dạy;

c) Đánh giá kết quả học tập, kết quả thi tốt nghiệp của người học;

d) Hoàn thiện các biểu mẫu, sổ sách quản lý lớp học được bố trí, phân công giảng dạy theo quy định;

đ) Hướng dẫn thực tập, thực tập kết hợp với lao động sản xuất; luyện thi cho người học tham gia kỳ thi tay nghề các cấp;

e) Học tập, bồi dưỡng chuẩn hóa, bồi dưỡng nâng cao; thực tập tại doanh nghiệp hoặc cơ quan chuyên môn; dự giờ, trao đổi kinh nghiệm giảng dạy;

g) Tham gia bồi dưỡng cho giáo viên theo yêu cầu phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của bộ môn, khoa, cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

h) Tham gia biên soạn giáo trình, tài liệu giảng dạy; góp ý kiến xây dựng chương trình, nội dung mô-đun, môn học được phân công giảng dạy;

i) Tham gia thiết kế, xây dựng phòng học chuyên môn; thiết kế, cải tiến, tự làm đồ dùng, trang thiết bị giáo dục nghề nghiệp;

k) Ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật hoặc sáng kiến, cải tiến kỹ thuật vào giảng dạy và thực tiễn nghề nghiệp;

l) Tham gia sinh hoạt chuyên môn, nghiệp vụ;

m) Tham gia công tác quản lý, công tác Đảng, đoàn thể và các công tác xã hội khác.

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Có bằng tốt nghiệp cao đẳng nghề phù hợp với ngành, nghề giảng dạy hoặc có chứng chỉ kỹ năng nghề phù hợp để dạy thực hành trình độ trung cấp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 17 Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH;

b) Đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ nghiệp vụ sư phạm quy định tại khoản 1 Điều 20 Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH;

c) Có năng lực sử dụng ngoại ngữ và ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện nhiệm vụ của giáo viên giáo dục nghề nghiệp thực hành hạng III theo yêu cầu vị trí việc làm;

d) Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên giáo dục nghề nghiệp.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm vững kiến thức của ngành, nghề được phân công giảng dạy; có kiến thức về ngành, nghề liên quan; có hiểu biết về thực tiễn sản xuất, dịch vụ của ngành, nghề được phân công giảng dạy;

b) Nắm vững mục tiêu đào tạo, nội dung chương trình đào tạo, kỹ thuật an toàn, vệ sinh lao động của ngành, nghề được phân công giảng dạy và kế hoạch đào tạo của cơ sở giáo dục nghề nghiệp để tổ chức đào tạo;

c) Sử dụng có hiệu quả và an toàn các phương tiện dạy học, trang thiết bị dạy học; biết ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao hiệu quả giảng dạy, chất lượng đào tạo; biết chế tạo, cải tiến phương tiện dạy học, trang thiết bị dạy học;

d) Thực hiện thành thạo các kỹ năng của ngành, nghề được phân công giảng dạy; biết tổ chức lao động sản xuất, dịch vụ ngành, nghề được phân công giảng dạy;

đ) Viên chức thăng hạng lên chức danh giáo viên giáo dục nghề nghiệp thực hành hạng III phải có thời gian công tác giữ chức danh giáo viên giáo dục nghề nghiệp hạng IV - Mã số V.09.02.09 hoặc giáo viên trung học (chưa đạt chuẩn) - Mã số 15c.207 hoặc tương đương từ đủ 03 (ba) năm trở lên, trong đó thời gian gần nhất giữ chức danh giáo viên giáo dục nghề nghiệp hạng IV - Mã số V.09.02.09 tối thiểu là 01 (một) năm (đủ 12 tháng).

**Điều 12. Giáo viên giáo dục nghề nghiệp hạng IV - Mã số: V.09.02.09**

1. Nhiệm vụ

a) Giảng dạy trình độ sơ cấp;

b) Giáo dục phẩm chất đạo đức nghề nghiệp và tác phong công nghiệp cho học sinh thông qua quá trình giảng dạy;

c) Đánh giá kết quả học tập, kết quả thi tốt nghiệp của người học;

d) Hoàn thiện các biểu mẫu, sổ sách quản lý lớp học được bố trí, phân công giảng dạy theo quy định;

đ) Hướng dẫn thực tập, thực tập kết hợp với lao động sản xuất; luyện thi cho người học tham gia kỳ thi tay nghề các cấp;

e) Học tập, bồi dưỡng chuẩn hóa, bồi dưỡng nâng cao; thực tập tại doanh nghiệp hoặc cơ quan chuyên môn; dự giờ, trao đổi kinh nghiệm giảng dạy;

g) Tham gia bồi dưỡng cho giáo viên theo yêu cầu phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của bộ môn, khoa, cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

h) Tham gia biên soạn giáo trình, tài liệu giảng dạy; góp ý kiến xây dựng chương trình, nội dung mô-đun được phân công giảng dạy;

i) Tham gia thiết kế, xây dựng phòng học chuyên môn; thiết kế, cải tiến, tự làm đồ dùng, trang thiết bị giáo dục nghề nghiệp;

k) Ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật hoặc sáng kiến, cải tiến kỹ thuật vào giảng dạy và thực tiễn nghề nghiệp;

l) Tham gia sinh hoạt chuyên môn, nghiệp vụ;

m) Tham gia công tác quản lý, công tác Đảng, đoàn thể và các công tác xã hội khác.

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Có bằng tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp hoặc trung cấp nghề hoặc trung cấp hoặc văn bằng trình độ tương đương trở lên, phù hợp với ngành, nghề giảng dạy hoặc có chứng chỉ kỹ năng nghề phù hợp để dạy trình độ sơ cấp theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH;

b) Đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ nghiệp vụ sư phạm quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH;

c) Có năng lực sử dụng ngoại ngữ và ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện nhiệm vụ của giáo viên giáo dục nghề nghiệp hạng IV theo yêu cầu vị trí việc làm;

d) Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên giáo dục nghề nghiệp.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm vững kiến thức của mô-đun được phân công giảng dạy; có kiến thức về các mô-đun liên quan của nghề được phân công giảng dạy;

b) Hiểu biết về thực tiễn nghề nghiệp và nắm vững kỹ thuật an toàn, vệ sinh lao động của ngành, nghề được phân công giảng dạy;

c) Thực hiện thành thạo các kỹ năng nghề quy định trong chương trình mô-đun được phân công giảng dạy; biết tổ chức lao động sản xuất, dịch vụ ngành, nghề được phân công giảng dạy.

**Chương III**

**Chuyển xếp lương chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP**

**Điều 13. Nguyên tắc bổ nhiệm và chuyển xếp lương chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp**

1. Việc bổ nhiệm và xếp lương vào chức danh nghề nghiệp giảng viên giáo dục nghề nghiệp, giáo viên giáo dục nghề nghiệp phải căn cứ vào vị trí việc làm, chức trách, nhiệm vụ, năng lực và chuyên môn nghiệp vụ đang đảm nhận của viên chức.

2. Khi chuyển xếp từ chức danh nghề nghiệp viên chức hiện giữ vào chức danh nghề nghiệp giảng viên giáo dục nghề nghiệp, giáo viên giáo dục nghề nghiệp tương ứng không được kết hợp nâng bậc lương hoặc thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

**Điều 14. Chuyển xếp lương chức danh nghề nghiệp giảng viên giáo dục nghề nghiệp và giáo viên giáo dục nghề nghiệp**

1. Viên chức được bổ nhiệm vào các chức danh nghề nghiệp giảng viên giáo dục nghề nghiệp và giáo viên giáo dục nghề nghiệp quy định tại Thông tư này, được áp dụng bảng lương tương ứng ban hành kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang, cụ thể như sau:

a) Đối với giảng viên giáo dục nghề nghiệp

Giảng viên giáo dục nghề nghiệp cao cấp (hạng I) - Mã số: V.09.02.01, được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A3 nhóm 1 (A3.1) từ hệ số lương 6,20 đến hệ số lương 8,00;

Giảng viên giáo dục nghề nghiệp chính (hạng II) - Mã số: V.09.02.02, được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A2 nhóm 1 (A2.1) từ hệ số lương 4,40 đến hệ số lương 6,78;

Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III) - Mã số: V.09.02.03, được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A1 từ hệ số lương 2,34 đến hệ số lương 4,98;

Giảng viên giáo dục nghề nghiệp thực hành (hạng III) - Mã số: V.09.02.04, được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A0 từ hệ số lương 2,10 đến hệ số lương 4,89.

b) Đối với giáo viên giáo dục nghề nghiệp

Giáo viên giáo dục nghề nghiệp hạng I - Mã số: V.09.02.05, được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A3 nhóm 2 (A3.2), từ hệ số lương 5,75 đến hệ số lương 7,55;

Giáo viên giáo dục nghề nghiệp hạng II - Mã số: V.09.02.06, được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A2 nhóm 1 (A2.1) từ hệ số lương 4,40 đến hệ số lương 6,78;

Giáo viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết hạng III - Mã số: V.09.02.07, được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A1 từ hệ số lương 2,34 đến hệ số lương 4,98;

Giáo viên giáo dục nghề nghiệp thực hành hạng III - Mã số: V.09.02.08, được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A0 từ hệ số lương 2,10 đến hệ số lương 4,89;

Giáo viên giáo dục nghề nghiệp hạng IV - Mã số: V.09.02.09, được áp dụng hệ số lương của viên chức loại B từ hệ số lương 1,86 đến hệ số lương 4,06.

2. Việc xếp lương đối với viên chức đang làm công tác giảng dạy tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập, hiện đang xếp lương ở các ngạch công chức, viên chức ngành giáo dục và đào tạo quy định tại Quyết định số 202/TCCP-VC ngày 08 tháng 6 năm 1994 của Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ (nay là Bộ trưởng Bộ Nội vụ) về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch công chức ngành giáo dục và đào tạo (sau đây viết tắt là Quyết định số 202/TCCP-VC); Thông tư liên tịch số 81/2005/TTLT-BNV-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chuyển xếp lương cũ sang lương mới đối với một số ngạch công chức, viên chức mới được bổ sung hoặc có thay đổi về phân loại công chức, viên chức thuộc ngành Thủy lợi, Giáo dục và Đào tạo, Văn hóa - Thông tin, Y tế và Quản lý thị trường (sau đây viết tắt là Thông tư liên tịch số 81/2005/TTLT-BNV-BTC) và Thông tư liên tịch số 36/2014/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập (sau đây viết tắt là Thông tư liên tịch số 36/2014/TTLT-BGDĐT-BNV) sang chức danh nghề nghiệp giảng viên giáo dục nghề nghiệp và giáo viên giáo dục nghề nghiệp quy định tại Thông tư này được thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 2 Mục II Thông tư số 02/2007/TT-BNV ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn xếp lương khi nâng ngạch, chuyển ngạch, chuyển loại công chức, viên chức, cụ thể như sau:

a) Đối với giảng viên giáo dục nghề nghiệp

Xếp lương giảng viên giáo dục nghề nghiệp cao cấp (hạng I) - Mã số: V.09.02.01 đối với viên chức hiện đang xếp lương giảng viên cao cấp - Mã số 15.109 (Quyết định số 202/TCCP-VC) hoặc giảng viên cao cấp (hạng I) - Mã số V.07.01.01 (Thông tư liên tịch số 36/2014/TTLT-BGDĐT-BNV);

Xếp lương giảng viên giáo dục nghề nghiệp chính (hạng II) - Mã số: V.09.02.02 đối với viên chức hiện đang xếp lương giảng viên chính - Mã số 15.110 hoặc giáo viên trung học cao cấp, mã số 15.112 (Quyết định số 202/TCCP-VC) hoặc giảng viên chính (hạng II) - Mã số V.07.01.02 (Thông tư liên tịch số 36/2014/TTLT-BGDĐT-BNV);

Xếp lương giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III) - Mã số: V.09.02.03 đối với viên chức hiện đang xếp lương giảng viên - Mã số 15.111, hoặc giáo viên trung học - Mã số 15.113 (Quyết định số 202/TCCP-VC) hoặc giảng viên (hạng III) - Mã số V.07.01.03 (Thông tư liên tịch số 36/2014/TTLT-BGDĐT-BNV);

Xếp lương giảng viên giáo dục nghề nghiệp thực hành (hạng III) - Mã số: V.09.02.04 đối với viên chức hiện đang xếp lương giáo viên trung học (chưa đạt chuẩn) - Mã số 15c.207 (Thông tư liên tịch số 81/2005/TTLT-BNV-BTC).

b) Đối với giáo viên giáo dục nghề nghiệp

Xếp lương giáo viên giáo dục nghề nghiệp hạng II - Mã số: V.09.02.06 đối với viên chức hiện đang xếp lương giáo viên trung học cao cấp - Mã số 15.112 (Quyết định số 202/TCCP-VC);

Xếp lương giáo viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết hạng III - Mã số: V.09.02.07 đối với viên chức hiện đang xếp lương giáo viên trung học - Mã số 15.113 (Quyết định số 202/TCCP-VC);

Xếp lương giáo viên giáo dục nghề nghiệp thực hành hạng III - Mã số: V.09.02.08 đối với viên chức hiện đang xếp lương giáo viên trung học (chưa đạt chuẩn) - Mã số 15c.207 (Thông tư liên tịch số 81/2005/TTLT-BNV-BTC);

Xếp lương giáo viên giáo dục nghề nghiệp hạng IV - Mã số: V.09.02.09 đối với viên chức hiện đang xếp lương giáo viên trung học (chưa đạt chuẩn) - Mã số 15c.207 (Thông tư liên tịch số 81/2005/TTLT-BNV-BTC).

**Điều 15. Xét chuyển chức danh nghề nghiệp**

1. Giảng viên giáo dục nghề nghiệp thực hành (hạng III) - Mã số: V.09.02.04 nếu đáp ứng đủ tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và được bố trí vị trí việc làm hiện tại phù hợp với chức danh nghề nghiệp Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III) - Mã số: V.09.02.03 thì được chuyển xếp vào chức danh nghề nghiệp Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III) - Mã số: V.09.02.03.

2. Giáo viên giáo dục nghề nghiệp thực hành hạng III - Mã số: V.09.02.08 nếu đáp ứng đủ tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và được bố trí vị trí việc làm hiện tại phù hợp với chức danh nghề nghiệp Giáo viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết hạng III - Mã số: V.09.02.07 thì được chuyển xếp vào chức danh nghề nghiệp Giáo viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết hạng III - Mã số: V.09.02.07.

3. Việc xét chuyển từ chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khác sang chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 29 và Điều 30 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức (sau đây viết tắt là Nghị định số 115/2020/NĐ-CP).

4. Công chức được tiếp nhận vào làm viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp được thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

**Chương IV**

**Thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức**

**chuyên ngành GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP**

**Điều 16. Nguyên tắc thi hoặc xét thăng hạng**

1. Việc cử viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp tham dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải căn cứ vào vị trí việc làm, cơ cấu chức danh nghề nghiệp được cấp có thẩm quyền phê duyệt, số lượng viên chức còn thiếu theo yêu cầu của vị trí việc làm và nhu cầu của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

2. Viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp tham dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng theo quy định của pháp luật.

3. Việc tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp đảm bảo bình đẳng, công khai, minh bạch, khách quan và đúng quy định của pháp luật.

**Điều 17. Tiêu chuẩn, điều kiện dự thi hoặc xét thăng hạng**

1. Viên chức được dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

a) Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự thi hoặc xét thăng hạng; có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật, không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật của cơ quan có thẩm quyền;

b) Có đủ tiêu chuẩn của hạng chức danh nghề nghiệp đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng theo quy định tại Chương II Thông tư này; Trường hợp viên chức tham gia thi thăng hạng, nếu viên chức có các văn bằng, chứng chỉ quy định tại khoản 6 và khoản 7 Điều 39 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP thì được miễn thi môn ngoại ngữ, tin học;

c) Được cơ sở giáo dục nghề nghiệp đề nghị và cấp có thẩm quyền cử đi dự thi hoặc xét thăng hạng.

2. Viên chức có thành tích tiêu biểu xuất sắc được xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp khi có một trong các điều kiện sau:

a) Viên chức trong thời gian đang giữ hạng chức danh nghề nghiệp hiện tại được tặng thưởng Huân chương hạng ba trở lên hoặc đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc hoặc 02 (hai) lần đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp bộ, ngành hoặc tương đương, có đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này, được cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cấp có thẩm quyền đề nghị xét thăng hạng;

b) Viên chức được công nhận hoặc bổ nhiệm Giáo sư, Phó Giáo sư, có đủ tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, được cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cấp có thẩm quyền đề nghị xét thăng hạng.

**Điều 18. Các trường hợp áp dụng hình thức thi hoặc xét thăng hạng**

1. Áp dụng hình thức thi thăng hạng đối với trường hợp thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp từ hạng III lên hạng II và từ hạng II lên hạng I.

2. Áp dụng hình thức xét thăng hạng đối với trường hợp:

a) Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên giáo dục nghề nghiệp hạng IV lên giáo viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết hạng III hoặc thực hành hạng III;

b) Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên, giáo viên giáo dục nghề nghiệp từ hạng III lên hạng II hoặc hạng II lên hạng I đối với viên chức có thành tích tiêu biểu xuất sắc quy định tại điểm a khoản 2 Điều 17;

c) Xét thăng hạng đặc cách vào chức danh nghề nghiệp giảng viên, giáo viên giáo dục nghề nghiệp cao cấp (hạng I) đối với viên chức có thành tích tiêu biểu xuất sắc quy định tại điểm b khoản 2 Điều 17.

**Điều 19. Hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng**

1. Hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 115/NĐ-CP.

2. Đối với viên chức có thành tích tiêu biểu xuất sắc, hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng theo quy định tại khoản 1 Điều này và bản sao có chứng thực thành tích tiêu biểu xuất sắc quy định tại khoản 2 Điều 17 Thông tư này.

**Điều 20. Tổ chức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp**

1. Việc tổ chức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp được thực hiện thông qua Hội đồng thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

2. Hội đồng thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp hoạt động theo Quy chế tổ chức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

3. Việc tổ chức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp được thực hiện theo Nội quy kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV.

**Điều 21. Nội dung, hình thức và tổ chức xét thăng hạng và xác định người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp**

1. Nội dung và hình thức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp: Thẩm định hồ sơ đáp ứng tiêu chuẩn theo chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp của hạng dự xét.

2. Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

a) Việc tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp được thực hiện thông qua Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

b) Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp hoạt động theo Quy chế tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức ban hành kèm theo Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14 tháng 5 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Xác định viên chức được thăng hạng trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

a) Viên chức được thăng hạng trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp là viên chức được Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp xác định đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 17 của Thông tư này;

b) Trường hợp số viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng nhiều hơn số chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp thì việc xác định người trúng tuyển được thực hiện theo thứ tự ưu tiên sau: Viên chức là nữ; viên chức là người dân tộc thiểu số; viên chức nhiều tuổi hơn (tính theo ngày, tháng, năm sinh); viên chức có thời gian công tác nhiều hơn. Nếu vẫn không xác định được thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp có văn bản trao đổi với người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý viên chức và quyết định người trúng tuyển theo đề nghị của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý viên chức;

c) Viên chức không được thăng hạng trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp không được bảo lưu kết quả cho các kỳ xét thăng hạng lần sau.

4. Thông báo kết quả trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

a) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức phải báo cáo người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức về kết quả xét của Hội đồng; đồng thời công khai trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và gửi thông báo bằng văn bản tới cơ quan, đơn vị cử viên chức dự xét về kết quả xét thăng hạng để thông báo cho viên chức được biết;

b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày thông báo kết quả xét thăng hạng, viên chức dự xét thăng hạng có quyền gửi đơn đề nghị phúc khảo kết quả xét thăng hạng. Hội đồng xét thăng hạng tổ chức thẩm định lại hồ sơ, công bố kết quả xét thăng hạng sau khi thẩm định lại trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn nhận đơn đề nghị phúc khảo theo quy định tại điểm này;

c) Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày công bố kết quả thẩm định lại hồ sơ, Hội đồng xét thăng hạng báo cáo người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển;

d) Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển bằng văn bản tới cơ quan, đơn vị cử viên chức tham dự kỳ xét thăng hạng để thực hiện bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp cho viên chức trúng tuyển theo quy định.

5. Hủy kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp: Nếu viên chức sử dụng văn bằng, chứng chỉ không hợp pháp, kê khai không đúng sự thật để đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, khi bị phát hiện sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật và hủy kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Cơ quan có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp có trách nhiệm hủy kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

**Chương V**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 22. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Giảng viên đã có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của các hạng giảng viên giáo dục nghề nghiệp quy định tại Thông tư số 03/2018/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Ban quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp trước ngày 30 tháng 6 năm 2022 thì được xác định là đáp ứng yêu cầu về chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên giáo dục nghề nghiệp, được sử dụng khi tham dự kỳ thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp mà không phải tham gia các chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên giáo dục nghề nghiệp quy định tại Thông tư này.

2. Giáo viên đã có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của các hạng giáo viên giáo dục nghề nghiệp quy định tại Thông tư số 03/2018/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Ban quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp trước ngày 30 tháng 6 năm 2022 thì được xác định là đáp ứng yêu cầu về chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên giáo dục nghề nghiệp, được sử dụng khi tham dự kỳ thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp mà không phải tham gia các chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên giáo dục nghề nghiệp quy định tại Thông tư này.

**Điều 23. Sửa đổi, bổ sung một số điều của các văn bản liên quan quy định chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp**

1. Sửa đổi số thứ tự khoản 12 Điều 1 Thông tư số 21/2020/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp (sau đây viết tắt là Thông tư số 21/2020/TT-BLĐTBXH) như sau:

“14. Sửa đổi Điều 55 như sau:”

2. Sửa đổi các khoản 2, 3, 5, 6, 8, 9 Điều 1 Thông tư số 21/2020/TT-BLĐTBXH như sau:

a) “2. Sửa đổi Điều 4 như sau:

**Điều 4. Tiêu chuẩn 2 về Trình độ ngoại ngữ**

Có năng lực sử dụng ngoại ngữ trong thực hiện nhiệm vụ của nhà giáo dạy trình độ sơ cấp theo yêu cầu vị trí việc làm.”

b) “3. Sửa đổi Điều 5 như sau:

**Điều 5. Tiêu chuẩn 3 về Trình độ tin học**

Có năng lực ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện nhiệm vụ của nhà giáo dạy trình độ sơ cấp theo yêu cầu vị trí việc làm.”

c) “5. Sửa đổi Điều 18 như sau:

**Điều 18. Tiêu chuẩn 2 về Trình độ ngoại ngữ**

Có năng lực sử dụng ngoại ngữ trong thực hiện nhiệm vụ của nhà giáo dạy trình độ trung cấp theo yêu cầu vị trí việc làm.”

d) “6. Sửa đổi Điều 19 như sau:

**Điều 19. Tiêu chuẩn 3 về Trình độ tin học**

Có năng lực ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện nhiệm vụ của nhà giáo dạy trình độ trung cấp theo yêu cầu vị trí việc làm.”

đ) “8. Sửa đổi Điều 33 như sau:

**Điều 33. Tiêu chuẩn 2 về Trình độ ngoại ngữ**

Có năng lực sử dụng ngoại ngữ trong thực hiện nhiệm vụ của nhà giáo dạy trình độ cao đẳng theo yêu cầu vị trí việc làm.”

e) “9. Sửa đổi Điều 34 như sau:

**Điều 34. Tiêu chuẩn 3 về Trình độ tin học**

Có năng lực ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện nhiệm vụ của nhà giáo dạy trình độ cao đẳng theo yêu cầu vị trí việc làm.”

**Điều 24. Công nhận văn bằng, chứng chỉ, thành tích, giải thưởng**

1. Các văn bằng, chứng chỉ đào tạo, bồi dưỡng được công nhận tương đương với các văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận trình độ đào tạo, bồi dưỡng quy định tại Thông tư này do Bộ chuyên ngành quy định sau khi có sự thống nhất với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2. Các thành tích, giải thưởng được công nhận tương đương với các thành tích, giải thưởng tại Hội giảng, hội thi, kỳ thi, cuộc thi các cấp quy định tại Thông tư này do cơ quan, đơn vị chủ trì tổ chức quy định sau khi có sự thống nhất với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

**Điều 25. Trách nhiệm của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội**

1. Chỉ đạo Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp xây dựng Đề án tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp đối với chức danh giảng viên giáo dục nghề nghiệp cao cấp (hạng I) và giáo viên giáo dục nghề nghiệp hạng I gửi lấy ý kiến Bộ Nội vụ để tổ chức thực hiện.

2. Hướng dẫn các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương triển khai nội dung tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng II, hạng III; bổ nhiệm, chuyển xếp lương chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp.

**Điều 26. Trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương**

1. Chỉ đạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý thực hiện bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức giảng dạy theo thẩm quyền hoặc theo thẩm quyền được phân cấp, ủy quyền.

2. Phê duyệt phương án bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức thuộc phạm vi quản lý từ ngạch, chức danh nghề nghiệp viên chức hiện giữ sang chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp tương ứng quy định tại Thông tư này theo thẩm quyền; giải quyết theo thẩm quyền những vướng mắc trong quá trình bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp.

3. Quyết định bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức thuộc phạm vi quản lý vào chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp tương ứng theo thẩm quyền.

4. Báo cáo công tác quản lý viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi quản lý về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trước ngày 20 tháng 01 hằng năm theo đề cương tại Phụ lục của Thông tư này.

5. Hằng năm, xây dựng Đề án tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp đối với chức danh giảng viên giáo dục nghề nghiệp chính (hạng II) và giáo viên giáo dục nghề nghiệp hạng II gửi lấy ý kiến Bộ Nội vụ để tổ chức thực hiện.

6. Tổ chức hoặc phân cấp, ủy quyền cho các cơ quan, đơn vị tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp đối với chức danh giáo viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết hạng III và giáo viên giáo dục nghề nghiệp thực hành hạng III.

**Điều 27. Trách nhiệm của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập**

1. Rà soát các vị trí việc làm của đơn vị, lập phương án bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi quản lý, trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt hoặc quyết định theo thẩm quyền được phân cấp;

2. Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức thuộc phạm vi quản lý vào chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp tương ứng theo thẩm quyền hoặc theo thẩm quyền được phân cấp, ủy quyền.

3. Báo cáo công tác quản lý viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi quản lý về về cơ quan chủ quản trước ngày 10 tháng 01 hằng năm theo đề cương tại Phụ lục của Thông tư này.

4. Cử viên chức tham dự kỳ thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tiêu chuẩn, điều kiện của viên chức được cử tham dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; lưu giữ và quản lý hồ sơ đăng ký của viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định của pháp luật.

**Điều 28. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2022.

2. Thông tư này là căn cứ để thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý đội ngũ viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập.

3. Thông tư số 03/2018/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Ban quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp; Thông tư số 12/2019/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn việc chuyển xếp lương chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp; Thông tư số 31/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tiêu chuẩn, điều kiện, nội dung và hình thức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực.

**Điều 29. Trách nhiệm thi hành**

1. Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để được hướng dẫn./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Ban Bí thư Trung ương Đảng;- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;- Văn phòng Tổng Bí thư- Văn phòng Chủ tịch nước;- Văn phòng Quốc hội, Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;- Văn phòng Chính phủ;- Tòa án nhân dân tối cao;- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;- Kiểm toán Nhà nước;- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;- HĐND, UBND, Sở LĐTBXH các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);- Công báo; Cổng TTĐT Chính phủ;* TTTT, TCGDNN để đăng Cổng TTĐT;

- Vụ Pháp chế; Vụ Tổ chức cán bộ;- Lưu: VT, TCGDNN. | **BỘ TRƯỞNG****Đào Ngọc Dung** |

**Phụ lục**

*(Kèm theo Thông tư số /2022/TT-BLĐTBXH ngày / /2022*

*của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)*

**ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO công tác quản lý viên chức**

**chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp**

**I. Công tác bổ nhiệm, chuyển xếp lương chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp**

Báo cáo theo Mẫu số 05 (Số lượng, cơ cấu viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp hiện có; số lượng viên chức ứng với chức danh viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp còn thiếu theo yêu cầu của vị trí việc làm và đề xuất chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp) và Mẫu số 06 (Danh sách viên chức đủ tiêu chuẩn, điều kiện được cử dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp hạng I và hạng II) tại Phụ lục của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

**II. Công tác tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp hạng IV, hạng III và hạng II**

1. Kết quả tổ chức thi, xét thăng hạng năm vừa thực hiện.

2. Kế hoạch, tiến độ dự kiến năm tiếp theo.

**III. Khó khăn, vướng mắc và đề xuất, kiến nghị**

1. Khó khăn, vướng mắc.

1.1. Trong công tác bổ nhiệm, chuyển xếp lương chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp.

1.2. Trong công tác tổ chức thi, xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp theo phân công, phân cấp.

2. Đề xuất, kiến nghị.